

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **166/2026/DS-PT**

Ngày: 26-02-2026

V/v “*Tranh chấp bồi thường
thiệt hại ngoài hợp đồng*”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Tấn Lợi

Các Thẩm phán:

Bà Kiều Kim Xuân

Bà Nguyễn Thị Ánh Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Hồng Chi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Ngọc Trang - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29/01/2026 và ngày 26/02/2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 695/2025/TLPT-DS ngày 03 tháng 11 năm 2025, về việc “*Tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 18/2025/DS-ST ngày 13 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực M - Đồng Tháp bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1800/2025/QĐ-PT ngày 31 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Lê Thị N, sinh năm 1962;

1.2. Nguyễn Thị P, sinh năm 1950;

Cùng địa chỉ: tổ E, ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp (nay là ấp L, xã L, tỉnh Đồng Tháp).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị N và bà Nguyễn Thị P: Chị Nguyễn Bảo H, sinh năm 1985 (có mặt); Địa chỉ: số A, N, phường H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (nay là số A, N, phường C, tỉnh Đồng Tháp), (theo văn bản ủy quyền ngày 31/10/2023 và ngày 10/6/2024).

2. Bị đơn:

2.1. Nguyễn Minh C, sinh năm 1941 (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt);
Địa chỉ: tổ C, ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang (nay là tổ C, ấp P, xã P, tỉnh An Giang);

2.2. Phạm Văn H1, sinh năm 1955 (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt);
Địa chỉ: Khóm L, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang (nay là Khóm L, phường T, tỉnh An Giang);

2.3. Nguyễn Thiện Đ, sinh năm 1967 (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt);

2.4. Thái Trọng Đ1, sinh năm 1966 (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt);

2.5. Nguyễn Tân T, sinh năm 1960 (chết năm 2024);

2.6. Nguyễn Đắc D, sinh năm 1962;

2.7. Cao Quý B, sinh năm 1966;

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp (nay là ấp L, xã L, tỉnh Đồng Tháp).

2.8. Nguyễn Thị T1, sinh năm 1943;

Địa chỉ: Khóm T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp (nay là ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp);

Người đại diện theo quyền của bị đơn ông Nguyễn Đắc D, ông Cao Quý B và bà Nguyễn Thị T1: Ông Hồ Thanh H2, sinh năm 1983 (vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt); Địa chỉ: Khóm T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp (nay là ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp), (theo Văn bản ủy quyền ngày 17/11/2024).

4. Người kháng cáo: Bà Lê Thị N và bà Nguyễn Thị P là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- **Nguyên đơn bà Lê Thị N ủy quyền cho chị Nguyễn Bảo H đại diện trình bày:** Căn cứ vào Bản án dân sự phúc thẩm số: 357/2022/DS-PT ngày 10 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc “*Tranh chấp tài sản chung của dòng họ,...*”. Cũng theo Thông báo số 10/TB-THADS ngày 21/7/2023 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự (THADS) huyện H về việc từ chối nhận yêu cầu Thi hành án “Sau khi xem xét nội dung yêu cầu: Chi cục THADS huyện H nhận thấy, đơn yêu cầu bồi thường tiền của bà Lê Thị N không nộp Bản án, Quyết định và các tài liệu khác có liên quan để làm căn cứ. Vì vậy, Chi cục THADS huyện H, tỉnh Đồng Tháp không thụ lý yêu cầu của bà”. Theo nội dung Bản án thì bà N có quyền yêu cầu bồi thường khi bà phải giao tài sản cho nguyên đơn.

Từ những căn cứ nêu trên, nay bà N yêu cầu ông Nguyễn Minh C, bà Nguyễn Thị T1, ông Phạm Văn H1, ông Nguyễn Tân T, ông Nguyễn Đắc D, ông Thái Trọng Đ1, ông Cao Quý B và ông Nguyễn Thiện Đ có trách nhiệm liên đới

bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng gồm các khoản:

- Tiền mua đất để xây nhà ở có diện tích khoảng 200m² tại ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp, giá trị thị trường khoảng 500.000.000 đồng, yêu cầu bồi thường 50% giá trị là 250.000.000 đồng.

- Yêu cầu bồi thường số tiền tu bổ nhà thờ, xây dựng nhà bếp là 285.000.000 đồng. Trong đó:

- + Tu bổ nhà thờ xây tường đứng diện tích: 51m² x 500.000đ/m² = 25.500.000 đồng.

- + Xây dựng nhà bếp diện tích: 130m² x 2.000.000đ/m² = 260.000.000 đồng.

- Yêu cầu bồi thường tiền công đào ao nuôi cá, tôn tạo hàng năm làm đường ống nước là 220.480.000 đồng. Trong đó:

- + Tiền công đào ao nuôi cá, tôn tạo hàng năm, làm đường ống nước (từ năm 1998 cho đến nay) gồm 03 cái ao: 02 ao lớn, mỗi ao có diện tích: ngang 20m x dài 80m = 1.600m², sâu 3m = 4.800m³ x 02 ao = 9.600m³; 01 ao nhỏ có diện tích: ngang 12m x dài 18m = 216m², sâu 2m = 432m³. Tiền công đào ao cá theo giá thuê máy Kobe là: 15.000 đồng cho 01m³: Số tiền công ao lớn: 9.600m³ x 15.000đ/m³ = 144.000.000 đồng, số tiền công ao nhỏ: 432m³ x 15.000đ/m³ = 6.480.000 đồng. Cộng số tiền công đào 03 ao là: 150.480.000 đồng;

- + Tiền thi công đường ống nước là 46.000.000 đồng (gồm tiền mua ống nhựa đường kính 10cm, dài 600m, giá 60.000 đồng/m, thành tiền 36.000.000 đồng; tiền công khoan và thi công lắp đường ống là 10.000.000 đồng);

- + Các công trình phụ là 24.000.000 đồng (gồm tiền mua 02 mô tơ bơm nước 6.000.000 đồng, mua dây điện 1.200m, giá 10.000 đồng/m, công lắp đặt mô tơ và dây điện là 11.600.000 đồng).

Tổng số tiền bà N yêu cầu ông Nguyễn Minh C, bà Nguyễn Thị T1, ông Phạm Văn H1, ông Nguyễn Tân T, ông Nguyễn Đắc D, ông Thái Trọng Đ1, ông Cao Quý B và ông Nguyễn Thiên Đ có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng gồm các khoản nêu trên là: 755.480.000 đồng.

Bà N yêu cầu ông Nguyễn Minh C, bà Nguyễn Thị T1, ông Phạm Văn H1, ông Nguyễn Tân T, ông Nguyễn Đắc D, ông Thái Trọng Đ1, ông Cao Quý B và ông Nguyễn Thiên Đ có trách nhiệm liên đới bồi thường chi phí bốc mộ, cải táng các phần mộ trên đất giao cho các bị đơn gồm:

- Mộ của ba mẹ chồng bà N là ông Nguyễn Phước S, bà Nguyễn Thị D1 gồm: Tiền công bốc mộ 20.000.000 đồng, tiền công di dời 5.000.000 đồng, tiền quan tài (hòm) 2.000.000 đồng, tiền mua nền đất chôn hài cốt 40.000.000 đồng, tổng cộng là 67.000.000đ (Sáu mươi bảy triệu đồng).

- Mộ chồng bà N là ông Nguyễn Bảo T2 gồm: Tiền công bốc mộ 10.000.000 đồng, tiền công di dời 5.000.000 đồng, tiền quan tài (hòm) 1.000.000

đồng, tiền mua nền đất chôn hài cốt 20.000.000 đồng, tổng cộng là 36.000.000đ (Ba mươi sáu triệu đồng).

- Mộ của anh, chị chồng bà N là Nguyễn Thị Bảo L, ông Lâm Lập H3 gồm: Tiền công bốc mộ 20.000.000 đồng, tiền công di dùi 5.000.000 đồng, tiền quan tài (hòm) 2.000.000 đồng, tiền mua nền đất chôn hài cốt 40.000.000 đồng, tổng cộng là 67.000.000đ (Sáu mươi bảy triệu đồng).

- Mộ của ông cò, bà cò của gia đình bà N là Nguyễn Hàm N1, Trang Thị Đ2, Nguyễn Thị T3 gồm: Tiền công bốc mộ 30.000.000 đồng, tiền công di dùi 5.000.000 đồng, tiền quan tài (hòm) 3.000.000 đồng, tiền mua nền đất chôn hài cốt 60.000.000 đồng, tổng cộng là 98.000.000đ (Chín mươi tám triệu đồng).

- **Nguyên đơn bà Nguyễn Thị P ủy quyền cho chị Nguyễn Bảo H đại diện trình bày:** Theo bản án phúc thẩm số 357/2022/DS-PT ngày 10/8/2022 “Về việc tranh chấp tài sản chung dòng họ và Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất” của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Theo nội dung Bản án phúc thẩm buộc bà Lê Thị N và bà Nguyễn Bảo H giao các thửa đất số 444, 445, 448 và một phần thửa 447, tờ bản đồ số 17, diện tích đất 3.537,2 m², đất tọa lạc tại xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp cho các ông bà gồm: Nguyễn Minh C, Nguyễn Thị T1, Phạm Văn H1, Nguyễn Thiên Đ3, Cao Qui B1, Thái Trọng Đ1, Nguyễn Đắc D và Nguyễn Tân T. Trên các thửa đất bà N đang sử dụng bị Tòa án giao cho các ông, bà: Nguyễn Minh C, Nguyễn Thị T1, Phạm Văn H1, Nguyễn Thiên Đ3, Cao Quý B, Thái Trọng Đ1, Nguyễn Đắc D và Nguyễn Tân T tiếp tục sử dụng hiện có ngôi mộ của chồng bà P là ông Nguyễn Phước L1, sinh năm 1943, chết năm 1987. Ngôi mộ này do bà P lập vào ngày 17/02/2015 và quản lý, tu bổ hàng năm từ đó cho đến ngày hôm nay.

Nay bà P yêu cầu ông Nguyễn Minh C, bà Nguyễn Thị T1, ông Phạm Văn H1, ông Nguyễn Thiên Đ3, ông Cao Qui B1, ông Thái Trọng Đ1, ông Nguyễn Đắc D và ông Nguyễn Tân T phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bà tiền bốc mộ, cải táng phần mộ của chồng bà. Các chi phí gồm:

- Tiền công đào mộ: 10.000.000 đồng.
- Tiền công di dùi: 5.000.000 đồng.
- Mua hòm: 1.000.000 đồng.
- Tiền mua nền đất chôn hài cốt: 20.000.000 đồng.

Tổng là: 36.000.000đ (Ba mươi sáu triệu đồng).

- **Bị đơn bà Nguyễn Thị T1, ông Cao Quý B, ông Nguyễn Đắc D ủy quyền cho ông Hồ Thanh H2 đại diện trình bày:** Bà T1, ông B, ông D có nhận được thông báo thụ lý của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự về việc bà Lê Thị N yêu cầu ông Nguyễn Minh C, bà Nguyễn Thị T1, ông Phạm Văn H1, ông Nguyễn Tân T, ông Nguyễn Đắc D, ông Thái Trọng Đ1, ông Cao Quý B và ông Nguyễn Thiên Đ có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng

gồm các khoản:

- Tiền mua đất để xây dựng nhà có diện tích khoảng 200m², tọa lạc tại ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp, yêu cầu bồi thường 250.000.000 đồng.

- Yêu cầu bồi thường số tiền tu bổ nhà thờ, xây dựng nhà bếp là 285.000.000 đồng.

- Yêu cầu bồi thường tiền công đào ao nuôi cá, tôn tạo hàng năm, làm đường ống nước số tiền 220.480.000 đồng.

Bà T1, ông B, ông D không đồng ý đối với các yêu cầu của bà Lê Thị N, cụ thể như sau:

- Bà N yêu cầu bồi thường số tiền mua đất xây nhà là 250.000.000 đồng là không có cơ sở, vì bà T1, ông B, ông D không có gây thiệt hại gì cho bà N về nhà ở, không có trách nhiệm phải lo nền nhà chỗ ở cho bà N, nên không có nghĩa vụ phải bồi thường cho bà N, việc bà N yêu cầu bồi thường chỗ ở cho bà là không có căn cứ.

- Đối với yêu cầu bồi thường tiền tu bổ nhà thờ, xây dựng nhà bếp là 285.000.000 đồng, không đồng ý vì:

- + Về số tiền tu bổ phủ thờ là do tộc họ Nguyễn đưa cho ông Tám T4 (chồng bà N) và bà N nhận, có biên nhận ký tên của ông T4 và bà N thể hiện từ ngày 25/12/2005 đến ngày 02/02/2013.

- + Ngày 14/02/2001, T5 họ Nguyễn họp “Ban Quản tộc mở rộng phủ thờ tộc họ Nguyễn”, có nội dung: Tộc họ Nguyễn thống nhất cùng nhau xây nhà bếp, số tiền xây nhà bếp là của tộc họ Nguyễn không phải của bà N.

- Đối với yêu cầu bồi thường tiền công đào ao nuôi cá, tôn tạo hàng năm, làm đường ống nước số tiền 220.480.000 đồng, không đồng ý vì:

- + Ngày 16/4/2006, ông Nguyễn Minh C (là phó tộc họ N3) đại diện tộc họ N3 cho bà Nguyễn Thị P thuê đất để làm rẫy, bà P trả tiền thuê là một con heo để cúng (đám giỗ Ông). Sau này tộc họ Nguyễn biết được bà P lấy thửa đất đã thuê để đào ao nuôi cá, không thông qua tộc họ N3. Do đó, bà N yêu cầu trả tiền đào ao là không có căn cứ, vì ao là do bà P đào, không phải bà N đào. Khi cho bà P thuê thì cho thuê một thửa đất rẫy (khoảng 5.000m²), sau đó lấy lại khoảng 1.000m² chuyển nhượng lại cho Trường tiểu học L2 xây trường học, còn khoảng 4.000m² thì bà P đào ao, không thông qua tộc họ N3, các bị đơn sẽ làm đơn yêu cầu người đào ao khắc phục lại tình trạng ban đầu nộp cho Tòa án sau.

- + Tiền tôn tạo để phần đất có giá trị, đối với yêu cầu này của bà N là không có căn cứ, vì gia đình bà N không có tôn tạo, cũng như làm cho phần đất tốt hơn, có giá trị. Gia đình bà N hàng năm thu hoa lợi (cây ăn trái, bán gỗ cây cổ thụ) từ việc trông coi phủ thờ. Đối với số tiền này các bị đơn sẽ trao đổi về việc có phản tố yêu cầu bà N trả lại tiền đã sử dụng khai thác phần đất từ trước đến nay hay không, nếu có phản tố sẽ nộp đơn cho Tòa án sau.

+ Về tiền đầu tư đường dây ống nước, ai đầu tư tộc họ N3 không biết, ống nước tộc họ Nguyễn không có sử dụng, các bị đơn không có nghĩa vụ phải bồi thường, sẽ làm đơn yêu cầu di dời ra khỏi phần đất của tộc họ N3.

+ Đối với yêu cầu chi phí cải táng di mộ của bà P, bà N thì các bị đơn không thống nhất toàn bộ, vì hiện nay các bị đơn không có tranh chấp gì đối với mồ mã của ông bà chôn trên phần đất được giao cho các bị đơn, không yêu cầu bốc mộ cũng có hành vi xâm phạm mồ mã gây thiệt hại nên không có nghĩa vụ bồi thường.

Bị đơn ông Nguyễn Thiện Đ, ông Phạm Văn H1, ông Nguyễn Minh Công trình B2: Không thống nhất toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 18/2025/DS-ST ngày 13 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực M - Đồng Tháp (viết tắt là bản án sơ thẩm) đã xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị N, bà Nguyễn Thị P về việc tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

2. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn bà Lê Thị N, bà Nguyễn Thị P, do chị Nguyễn Bảo H đại diện đã rút yêu cầu khởi kiện đối với ông Nguyễn Tân T.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị N và bà Nguyễn Thị P được miễn án phí.

4. Về chi phí tố tụng khác: Bà Lê Thị N phải chịu 5.748.000đ (năm triệu bảy trăm bốn mươi tám nghìn đồng) chi phí thẩm định và định giá, bà N và bà P liên đới chịu 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) chi phí thẩm định, đã nộp và chi xong.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm. Nguyên đơn bà Lê Thị N và bà Nguyễn Thị P nộp đơn kháng cáo đề ngày 22/8/2025 vào ngày 27/8/2025, có nội dung thể hiện:

- Bà Lê Thị N kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà, buộc các bị đơn có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho bà tổng số tiền 1.210.530.000đ (một tỷ hai trăm mười triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng).

- Bà Nguyễn Thị P kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà, buộc các bị đơn có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho bà tổng số tiền 36.000.000đ (ba mươi sáu triệu đồng).

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Chị Nguyễn Bảo H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lê Thị N và bà Nguyễn Thị P trình bày: Yêu cầu Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà N và bà P. Bởi các căn cứ như: Tòa án sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng là không đúng mà phải là bồi hoàn công sức đóng góp tài sản, do Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng pháp luật không đúng đã ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn; Gia đình bà N đã đóng góp, tôn tạo tài sản tranh chấp hơn 40 năm nhưng không được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét; Theo Công văn số 1211 ngày 25/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp cũ (Thẩm phán Nguyễn Ngọc V ký) thì bà N được quyền khởi kiện yêu cầu bồi hoàn công sức đóng góp đối với tài sản tranh chấp; Do bà N và bà P phải giao đất cho các bị đơn nên các bị đơn phải có trách nhiệm hỗ trợ cho bà N, bà P tiền mua đất mới để ở và di dời mồ mã. Vì vậy, yêu cầu Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà N và bà P.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Thủ tục kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Thị N và bà Nguyễn Thị P thực hiện đúng quy định và hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử phúc thẩm đã chấp hành và thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị N và bà Nguyễn Thị P; tuyên xử giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 18/2025/DS-ST ngày 13/8/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực M - Đồng Tháp.

(Kèm theo Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm giải quyết vụ án số: 411/PB-VKS-DS ngày 26/02/2025).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân Khu vực M - Đồng Tháp thụ lý và giải quyết sơ thẩm vụ án là đúng quy định tại khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án. Tại phiên tòa phúc thẩm mặc dù đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Lê Thị N và bà Nguyễn Thị P xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là bồi hoàn công sức đóng góp tài sản nhưng theo Đơn khởi kiện và trong suốt quá trình giải quyết vụ án và trong Đơn kháng cáo thì nguyên đơn đều yêu

cầu bị đơn phải bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn. Sau khi xét xử sơ thẩm nguyên đơn bà Lê Thị N và bà Nguyễn Thị P không thống nhất bản án sơ thẩm nên đã kháng cáo. Việc bà N và bà P nộp đơn kháng cáo ngày 27/8/2025 là trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị đơn ông Nguyễn Minh C, ông Phạm Văn H1, ông Nguyễn Thiên Đ, ông Thái Trọng Đ1 và ông Hồ Thanh H2 là người đại diện theo quyền của bị đơn ông Nguyễn Đắc D, ông Cao Quý B và bà Nguyễn Thị T1 vắng mặt có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn bà Lê Thị N căn cứ vào Bản án dân sự phúc thẩm số: 357/2022/DS-PT ngày 10/8/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc “*Tranh chấp tài sản chung dòng họ và Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất*” (còn viết tắt là bản án phúc thẩm) thì bà N có quyền yêu cầu bồi thường khi bà phải di dời tài sản là cây trồng, vật nuôi, vật kiến trúc và vật khác (viết tắt là tài sản) để giao diện tích đất 3.537,2m² thuộc các thửa 444, 445, 448 và một phần thửa 447 và diện tích đất 4.696m² thuộc thửa đất 170, cùng tờ bản đồ số 17, đất tọa lạc tại xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp cho các ông bà Nguyễn Minh C, Nguyễn Thị T1, Phạm Văn H1, Nguyễn Thiên Đ3, Cao Quý B, Thái Trọng Đ1, Nguyễn Đắc D và Nguyễn Tân T. Vì vậy, bà N khởi kiện yêu cầu các bị đơn ông Nguyễn Minh C, bà Nguyễn Thị T1, ông Phạm Văn H1, ông Nguyễn Tân T, ông Nguyễn Đắc D, ông Thái Trọng Đ1, ông Cao Quý B và ông Nguyễn Thiên Đ (viết tắt là các bị đơn) có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng gồm các khoản: Tiền mua đất để xây nhà ở có diện tích khoảng 200m² với số tiền là 250.000.000 đồng; số tiền tu bổ nhà thờ, xây dựng nhà bếp là 285.000.000 đồng; tiền công đào ao nuôi cá, tôn tạo hàng năm làm đường ống nước là 220.480.000 đồng; chi phí bốc mộ, cải táng các phần mộ trên đất giao cho các bị đơn gồm: Mộ ba mẹ chồng bà N là 67.000.000 đồng; mộ chồng bà N là 36.000.000 đồng; mộ của anh, chị chồng bà N là 67.000.000 đồng; mộ của ông cô, bà cô của gia đình bà N là 98.000.000 đồng. Đối với nguyên đơn bà Nguyễn Thị P cho rằng theo bản án phúc thẩm số 357/2022/DS-PT ngày 10/8/2022 đã buộc bà Lê Thị N và chị Nguyễn Bảo H giao đất cho các bị đơn, do trên đất có ngôi mộ của chồng bà, nên bà yêu cầu các bị đơn phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bà tiền bốc mộ, cải táng phần mộ của chồng bà với số tiền là: 36.000.000 đồng. Các bị đơn không thống nhất yêu cầu khởi kiện của bà N và bà P, do yêu cầu khởi kiện của bà N và bà P không có căn cứ. Điều này đã làm phát sinh tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng giữa các đương sự.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị N, bà Nguyễn Thị P về việc tranh chấp bồi

thường thiệt hại ngoài hợp đồng và đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của bà N và bà P là có cơ sở. Bởi các căn cứ như sau:

- Bản án dân sự phúc thẩm số: 357/2022/DS-PT ngày 10/8/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã có hiệu lực pháp luật, bà N phải có nghĩa vụ di dời tài sản trả đất cho các bị đơn là đại diện tộc họ Nguyễn, các bị đơn không có hành vi xâm phạm gây thiệt hại gì cho bà N về nhà ở, không có trách nhiệm phải lo nền nhà chỗ ở cho bà N, nên không có căn cứ buộc các bị đơn phải bồi thường cho bà N số tiền mua đất xây nhà là 250.000.000 đồng.

- Đối với yêu cầu bồi thường số tiền tu bổ nhà thờ, xây dựng nhà bếp là 285.000.000 đồng. Tại Bản án phúc thẩm đã xác định phủ thờ và nhà bếp là tài sản của tộc họ Nguyễn buộc bà N, bà H có trách nhiệm di dời đồ đạc cá nhân để trả lại cho các bị đơn. Tộc họ Nguyễn không thừa nhận việc bà N có đóng góp sửa chữa phủ thờ nhà bếp. Đây là tài sản chung của dòng họ, khi xây dựng, sửa chữa phải có sự thống nhất của tộc họ sửa chữa như thế nào, lấy chi phí từ đâu. Nếu bà N chưa được sự đồng ý của tộc họ N3 mà tự ý sửa chữa thì tự chịu trách nhiệm đối với thiệt hại chi phí tự bỏ ra. Đồng thời, tại phiên tòa sơ thẩm chị Bảo H đại diện theo ủy quyền của bà N trình bày bà N không còn sức lao động để tạo ra của cải, số tiền dùng để sửa chữa phủ thờ, nhà bếp là từ thu hoa lợi, lợi tức trên phần đất mà Tòa án tuyên giao trả cho các bị đơn. Do đó, Tòa án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của bà N buộc các bị đơn phải bồi thường chi phí này cho bà N là có căn cứ.

- Đối với yêu cầu bồi thường tiền công đào ao nuôi cá, tôn tạo hàng năm, làm đường ống nước số tiền 220.480.000 đồng. Tại Bản án phúc thẩm đã tuyên buộc bà N, bà P, bà H có trách nhiệm di dời vật kiến trúc khác để trả lại đất cho các bị đơn. Tại Tòa án cấp sơ thẩm chị Bảo H đại diện theo ủy quyền của bà N trình bày bà N đào ao và cho bà P mượn, bà P hàng năm có trả hoa lợi, lợi tức cho bà N. Phần đất đào ao thuộc quyền sử dụng của tộc họ N3, chưa có sự đồng ý của tộc họ N3 nhưng bà N tự đào ao và cho bà P mượn đồng thời có thu hoa lợi từ việc đào ao. Bà N không chứng minh được hàng năm tôn tạo những gì trên phần đất này nhưng có thu hoa lợi, lợi tức từ việc sử dụng đất của tộc họ N3. Các bị đơn không sử dụng ao, đường ống nước, cũng không thu lợi tức từ việc bà N đào ao, thì công đường ống nước nên không có căn cứ để buộc các bị đơn phải có trách nhiệm bồi thường công đào ao nuôi cá, tôn tạo hàng năm, làm đường ống nước cho bà N.

- Đối với yêu cầu bồi thường chi phí tiền bốc mộ, cải táng phần mộ của bà N, bà P. Hiện tại tộc họ Nguyễn chưa có yêu cầu bà N, bà P di dời các phần mộ để trả lại đất cho tộc họ N3, không có tranh chấp gì đối với những ngôi mộ trên đất. Do đó bà N, bà P có nhu cầu di dời các phần mộ của người thân đang trên phần đất thuộc quyền sử dụng của tộc họ Nguyễn đi nơi khác thì phải tự chịu chi phí. Bị đơn chưa có xâm phạm gây thiệt hại đến mồ mã của bên phía nguyên

đơn, chưa có thiệt hại xảy ra nên không có nghĩa vụ phải bồi thường theo Điều 607 của Bộ luật Dân sự là có căn cứ.

[4] Tại phiên tòa chị Nguyễn Bảo H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lê Thị N và bà Nguyễn Thị P vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của bà N và bà P, yêu cầu Tòa án phúc thẩm giải quyết sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N và bà P. Hội đồng xét xử xét thấy trình bày của chị H là không đủ căn cứ, đồng thời bà N và bà P cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có cơ sở như đã phân tích trên, nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Từ cơ sở trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị N và bà Nguyễn Thị P, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Đối với quan điểm và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay như nêu trên. Hội đồng xét xử xét thấy là có cơ sở và phù hợp pháp luật, nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Do kháng cáo của bà Lê Thị N và bà Nguyễn Thị P không được chấp nhận, nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên, do bà N và bà P thuộc trường hợp người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí, nên được xét miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị N;
2. Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị P;
3. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 18/2025/DS-ST ngày 13 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực M - Đồng Tháp.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Lê Thị N và bà Nguyễn Thị P được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa Phúc thẩm TANDTC tại TP. HCM;
- VKSND Tỉnh;
- Phòng GDKTTT&THA TAND Tỉnh;
- TAND Khu vực M;
- Phòng THADS Khu vực M;
- Dương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS (Chi).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Tấn Lợi